

Số: 07/2019/QĐST- HNGĐ

Kon Plông, ngày 22 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị Kim O

Bị đơn: Anh Lê Minh N

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh K

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị Kim O và anh Lê Minh N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Kim O và anh Lê Minh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Thái Thị Kim O được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Lê Thái K; sinh ngày 28/5/2012. Anh Lê Minh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình

ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi và sống tự lập được. Anh Lê Minh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Thái Thị Kim O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Minh N không thực hiện hoặc chậm thực hiện cấp dưỡng số tiền nêu trên, thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Về quan hệ tài sản: Chị Thái Thị Kim O và anh Lê Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Áp dụng Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Lê Minh N phải nộp 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Thái Thị Kim O phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0006494, ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho chị Thái Thị Kim O số tiền 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- UBND xã Đăk Long, huyện Kon Plông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hữu Nuôi

